

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST  
Ngày: 14 – 5 – 2021  
*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và tiền hụi*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phan Văn Chiếu**
2. Ông **Trần Văn Phước**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Y L**, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

3.2. Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Y L trình bày:*

Vào khoảng tháng 4/2010, chị có cho anh D vay 02 chỉ vàng 24K, thỏa thuận lãi suất 0,05 chỉ vàng 24K/tháng, thỏa thuận 04 tháng đóng lãi một lần là 0,2 chỉ vàng 24K (căn cứ theo giá vàng tại thời điểm đóng lãi để tính ra tiền đóng lãi), không thỏa thuận thời hạn trả, khi vay có làm giấy tay do anh D viết (giấy này hiện nay chị làm ướt nên chị đã bỏ mất). Sau khi vay anh D có đóng lãi cho chị nhưng do thời gian đã lâu chị không nhớ đóng lãi được bao nhiêu.

Ngoài ra anh D còn tham gia một chung hui mùa 2.000.000 đồng mở vào ngày 01/3/2010 âm lịch, gồm 14 chung, 04 tháng khai một lần (khai vào tháng 3, tháng 7 và tháng 11 âm lịch). Anh D đóng được 02 kỳ hui sống, hốt hui ở kỳ hui thứ 3 bỏ số tiền 800.000 đồng, hốt được số tiền: 2.000.000 đồng x 02 kỳ hui chết + 1.200.000 đồng x 11 kỳ hui sống – tiền còn 1.000.000 đồng = 16.200.000 đồng. Số tiền hui này anh D đóng lãi lại cho chị số tiền 4.200.000 đồng, chị giao cho vợ chồng anh D cùng nhận tại ruộng của ông Đ nhận số tiền 12.000.000 đồng vào tháng 12/2010 âm lịch (không nhớ ngày), khi giao tiền hui chị có viết giấy tính tiền hui đưa cho vợ chồng anh D giữ. Sau khi hốt hui thì vợ chồng anh D đóng hui đầy đủ cho chị đến kỳ hui ngày 01/11/2012 âm lịch thì ngưng đóng. Dây hui mặng vào ngày 01/7/2014 âm lịch. Tính đến khi mặng hui thì vợ chồng anh D còn nợ chị 05 kỳ hui chết với số tiền là 10.000.000 đồng.

Đến ngày 06/4/2013, chị cho anh D vay thêm 01 chỉ vàng 24K, nhưng chị không có đưa vàng cho vợ chồng anh D nhận mà tính ra tiền để trừ 01 kỳ hui chết là 2.000.000đ và trừ lãi suất của 02 chỉ vàng 24K, khi đó anh D có viết biên nhận nợ chị tiền hui 10.000.000 đồng và 03 chỉ vàng (chị đã cung cấp cho Tòa án). Từ đó đến nay anh D không có đóng lãi và trả vàng gốc, cũng như không đóng hui cho chị.

Nay chị yêu cầu anh Nguyễn Văn D phải trả cho chị số tiền hui còn nợ là 10.000.000đ và 03 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi. Chị thống nhất theo Kết luận giám định số 139/GĐ-2020 ngày 09/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

*\* Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Anh D thừa nhận vợ chồng anh có vay của chị L 02 chỉ vàng 24K nhưng do đã lâu nên anh không xác định được thời gian vay, khi vay hai bên chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ, thỏa thuận đóng lãi mỗi tháng bằng 0,1 chỉ vàng 24K/01 chỉ vàng 24K (tính ra bằng tiền theo giá vàng tại thời điểm đóng lãi), anh có đóng lãi nhưng không nhớ đóng được bao nhiêu tiền lãi. Đến khoảng 05 tháng sau thì do anh không đóng lãi nên chị L tính lãi anh còn nợ là bằng 01 chỉ vàng 24K và số vàng vay gốc là 02 chỉ vàng 24K. Lúc đó vợ chồng anh có tham gia 01 chung hui 2.000.000 đồng loại hui mùa (04 tháng khai 01 lần) do chị L làm chủ, không nhớ hui có bao nhiêu chung, hui đã khai được 03 kỳ, đến kỳ hui thứ 4 chị L kêu anh hốt hui lấy tiền để trả vàng cho chị L rồi đóng hui lại từ từ, để vàng sẽ đóng lãi

nhiều, anh đồng ý. Vợ anh là Nguyễn Thị X là người bỏ hụi, hốt hụi, bỏ bao nhiêu tiền và hốt được bao nhiêu tiền anh không nhớ. Sau khi vợ anh bỏ hụi hốt hụi thì khoảng 01 tháng sau, khi anh đang đi cắt lúa mướn thì chị L đến gặp vợ chồng anh ở ngoài ruộng của ông Đực Ba để giao tiền hụi, tại đây chị L sau khi chị L tính tiền theo giá vàng của 02 chỉ vàng 24K gốc và 01 chỉ vàng 24K lãi (anh không nhớ là bao nhiêu tiền), chị L đối trừ với số tiền hụi mà anh hốt được, còn lại bao nhiêu chị L đưa cho vợ chồng anh nhận. Việc đối trừ tiền hụi hai bên chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ, chỉ có vợ chồng anh và chị L, ngoài ra không có ai khác chứng kiến. Sau khi hốt hụi thì đến mùa lúa là vợ chồng anh đến cắt lúa cho bà L để trừ tiền hụi, chứ anh không có đem tiền đến đóng hụi cho chị L, anh chỉ còn nợ chị L số tiền hụi ở kỳ hụi cuối là 400.000 đồng, chị L có nói là cho anh luôn số tiền này. Nay anh chỉ còn nợ chị L tiền hụi là 400.000 đồng, nếu chị L có yêu cầu thì anh đồng ý trả cho chị L số tiền còn nợ là 400.000 đồng. Đối với các yêu cầu khác của chị L thì anh không đồng ý.

Anh xác định chữ viết trong biên nhận do chị L cung cấp không phải do anh viết nhưng anh không yêu cầu giám định lại. Tại phiên tòa anh thừa nhận nội dung “vàng thiếu 3 chỉ 6 – 4 – 2013” là do anh viết. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị L.

*\* Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X trình bày:*

Chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L do vợ chồng chị đã trả vàng và đóng hụi cho chị L rồi, hiện chỉ còn nợ số tiền hụi là 400.000 đồng. Chị thống nhất theo lời trình bày của anh D. Chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*\* Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B trình bày:*

Anh đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L. Anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị X chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L. Buộc anh D và chị X có nghĩa vụ trả cho chị L 02 chỉ vàng 24K và 10.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của chị L yêu cầu anh D và chị X trả 01 chỉ vàng 24K. Đối với số tiền anh D đã đóng lãi cho chị L, anh D không yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí giám định: anh D phải chịu. Về án phí: Anh D, chị X và chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị L khởi kiện yêu cầu anh D trả vàng và tiền hụi, anh D đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị X và anh B là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Anh D và chị X thừa nhận có vay vàng và có tham gia hụi do chị L làm chủ. Tại biên bản hòa giải 01/6/2020 anh D thừa nhận nợ chị L tiền hụi là 10.000.000 đồng và vàng là 02 chỉ vàng 24K gốc, 01 chỉ vàng 24K lãi. Sự thừa nhận của anh D và chị X có vay của chị L số vàng gốc 02 chỉ vàng 24K và nợ tiền hụi 10.000.000 đồng là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu đối với 03 chỉ vàng 24K: Anh D và chị X cho rằng số vàng 03 chỉ vàng 24K thì chỉ nợ vàng gốc là 02 chỉ vàng 24K, còn 01 chỉ vàng 24K là vàng lãi. Tại phiên tòa, chị L thừa nhận đối với 01 chỉ vàng 24K chị không có đưa cho vợ chồng anh D nhận, mà được đổi trừ vào tiền hụi và tiền lãi, như vậy việc anh D xác định trong 03 chỉ vàng 24K có 01 chỉ vàng lãi là có căn cứ. Tuy nhiên theo quy định pháp luật, giao dịch vay mượn vàng không được tính lãi nên việc chị L yêu cầu vợ chồng anh D phải trả 01 chỉ vàng 24K lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu đối với tiền hụi: Anh D và chị X thừa nhận có tham gia một phần hụi mùa loại hụi 2.000.000 đồng do chị L làm chủ và đã hốt hụi rồi. Anh D và chị X cho rằng khi hốt hụi đã đổi trừ số vàng mà anh D và chị X nợ chị L là 03 chỉ vàng 24K và sau khi hốt hụi anh D và chị X đã cắt lúa để trừ tiền đóng hụi cho chị L, chỉ còn nợ lại tiền hụi là 400.000 đồng. Tuy nhiên, chị L không thừa nhận việc anh D và chị X đã trả vàng và tiền hụi cho chị L.

[6] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị L cung cấp biên nhận do anh D viết có nội dung “*Nguyễn Văn D 1000000 mười triệu vàng thiếu 3 chỉ 6 – 4 năm 2013*”, tại phiên tòa anh D thừa nhận nội dung “*vàng thiếu 3 chỉ 6 – 4 năm 2013*” là do anh D viết, nhưng không thừa nhận viết số tiền 10.000.000đ. Tại Kết luận giám định số 139/GĐ-2020 ngày 09/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận chữ viết trong biên nhận do chị L cung cấp với chữ viết của anh D là do cùng một người viết ra. Từ thời điểm anh D làm biên nhận nợ cho chị L đến nay anh D và chị X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh D và chị X đã trả vàng và tiền hụi cho chị L, nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh D và chị X. Như vậy, có cơ sở để xác định anh D và chị X còn nợ chị L số vàng gốc là 02 chỉ vàng 24K và tiền hụi 10.000.000 đồng. Chị L xác định số vàng và tiền mà anh D và chị X nợ là tài sản chung của chị L và anh B nên anh D và chị X phải có trách nhiệm trả lại cho chị L và anh B. Do anh D

và chị X không xác định được đóng lãi cho chị L được bao nhiêu tiền và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với anh D. Buộc anh D và chị X có nghĩa vụ trả cho chị L và anh B số vàng là 02 chỉ vàng 24K và số tiền nợ hui là 10.000.000 đồng. Do chị L không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết. Không chấp nhận yêu cầu của chị L yêu cầu anh D và chị X trả số vàng 01 chỉ vàng 24K.

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí giám định là 3.510.000 đồng anh Nguyễn Văn D phải chịu. Chị Nguyễn Y L đã dự nộp số tiền 5.000.000 đồng theo Phiếu thu số 88/2020/TB-TĐ ngày 26/8/2020, đã chi giám định số tiền 3.510.000 đồng, chị Nguyễn Y L được nhận lại số tiền 1.490.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Y L số tiền 3.510.000 đồng.

[10] Về án phí: Anh D và chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị L phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 471, 474, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Y L đối với anh Nguyễn Văn D. Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Y L và anh Nguyễn Văn B số vàng là 02 (Hai) chỉ vàng 24K và số tiền nợ hui là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Y L yêu cầu anh Nguyễn Văn D trả số vàng là 01 (Một) chỉ vàng 24K.

4. Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 3.510.000 đồng. Chị Nguyễn Y L đã dự nộp số tiền 5.000.000 đồng theo Phiếu thu số 88/2020/TB-TĐ ngày 26/8/2020, đã chi giám định số tiền 3.510.000 đồng, chị Nguyễn Y L được nhận lại số tiền 1.490.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Y L số tiền 3.510.000 đồng (Ba triệu năm trăm mười nghìn đồng).

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.012.000 đồng. Chị Nguyễn Y L phải chịu án phí 300.000 đồng. Chị L đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 622.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009477 ngày 16/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí và chị L được nhận lại số tiền 322.000 đồng.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến Ly**